

Số: /2025/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày tháng năm 2025

Dự thảo lần 1

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Thông tư: số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 05 năm 2023 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư 02/2017/TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường nếu có) do ngân sách nhà nước bảo đảm trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp.

Điều 3. Một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu

1. Một số mức chi cụ thể theo phụ lục đính kèm.
2. Đối với các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 05 năm 2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ ba mươi hai thông qua ngày ... tháng ... năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Công báo tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Giàng Páo Mỹ

MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án:			
	Thực hiện theo quy định tại mục 1 Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC)			
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		<i>không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm</i>
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	350	
	Thành viên, thư ký	người/buổi	250	
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	100	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	350	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	200	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	400	<i>Trường hợp không thành lập Hội đồng</i>
4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	350	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	50	
	- Tổ chức	Phiếu	100	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 01 người/ngày tối đa không quá 150% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
			lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
4.4	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	100	<i>Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên</i>
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	200	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:	Báo cáo		<i>Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ</i>
	- Nhiệm vụ		3.000	
	- Dự án			
	Dự án có giá trị dưới 500 triệu đồng		6.000	
	Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 2.000 triệu đồng		8.000	
	Dự án có giá trị từ 2.000 triệu đồng trở lên		10.000	
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường; Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường; Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng đoàn	Người/buổi	500	
	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó trưởng đoàn (nếu có)	Người/buổi	400	
	Ủy viên, thư ký hội đồng/thành viên, thư ký đoàn kiểm tra	Người/buổi	250	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	
	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	400	
	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	250	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	300	
7	Hội thảo khoa học (nếu có)	người/buổi hội thảo		
	Người chủ trì		400	
	Thư ký hội thảo		250	
	Đại biểu được mời tham dự		100	
	Báo cáo tham luận	Bài viết	300	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
8.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
	Chủ tịch hội đồng	người/buổi	300	
	Thành viên, thư ký	người/buổi	150	
8.2	Nghiệm thu dự án:			
	Chủ tịch Hội đồng		500	
	Thành viên, thư ký hội đồng	người/buổi	300	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	400	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	300	
	Đại biểu được mời tham dự		100	
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động tối đa bằng 1,2 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.	
10	Chi giải thưởng môi trường:			
	+ Tổ chức			
	Giải Nhất	Giải	3.000	
	Giải Nhì	Giải	2.000	
	Giải Ba	Giải	1.000	
	+ Cá nhân			
	Giải Nhất	Giải	2.000	
	Giải Nhì	Giải	1.000	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
	Giải Ba	Giải	500	